

I. Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13.

2. Một số nội dung trọng tâm

- Các thí nghiệm của Mendel.
- Nhiễm sắc thể.
- ADN

II. Một số dạng bài tập minh họa

1. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Để tìm ra quy luật di truyền liên kết, Moocgan đã thí nghiệm trên đối tượng nào?

- A. Đậu Hà Lan. B. Ruồi giấm. C. Chuột bạch. D. Ngô.

Câu 2: Phép lai nào sau đây cho ra duy nhất 1 kiểu hình?

- A. $AABb \times AABb$. B. $AaBB \times Aabb$.
C. $Aabb \times aaBB$. D. $Aabb \times aabb$.

Câu 3: Tính trạng đến F2 mới biểu hiện gọi là

- A. tính trạng lặn. B. tính trạng trội.
C. tính trạng tương ứng. D. tính trạng tương phản.

Câu 4: Loại tế bào nào sau đây có bộ NST đơn bội?

- A. Noãn nguyên bào B. Tinh nguyên bào C. Trứng D. Hợp tử

Câu 5: Ở ruồi giấm, khi quan sát bộ nhiễm sắc thể, người ta thấy có 4 cặp nhiễm sắc thể đang bắt chéo với nhau. Tế bào sinh dưỡng quan sát đang ở kì nào của quá trình phân bào?

- A. Kì giữa của nguyên phân.
B. Kì đầu của nguyên phân.
C. Kì giữa của giảm phân 1.
D. Kì đầu của giảm phân 1.

Câu 6: Đậu Hà Lan có bộ NST $2n=14$. Số nhiễm sắc thể trong tế bào sinh dưỡng của cây đậu Hà Lan khi ở kì giữa của quá trình giảm phân I là

- A. 14 đơn. B. 14 kép. C. 7 kép. D. 7 đơn.

Câu 7: Ruồi giấm có bộ NST $2n = 8$. Một tế bào sinh dưỡng của ruồi giấm thực hiện nguyên phân liên tiếp 4 lần đã tạo ra bao nhiêu tế bào con và tổng số NST trong các tế bào con là bao nhiêu?

- A. 2 tế bào con – 16 NST
B. 4 tế bào con – 32 NST
C. 8 tế bào con – 64 NST
D. 16 tế bào con – 128 NST

Câu 8: Đơn phân cấu tạo nên ARN là

A. nucleotit. B. vitamin. C. axitamin. D. glucozo.

Câu 9: Theo nguyên tắc bổ sung (NTBS), biểu thức nào sau đây là đúng?

A. $A+T = G+X$

B. $T = X, G = A$

C. $A = T, G = X$

D. $A+T+X = T+X+G$

Câu 10. Một phân tử ARN có trình tự các nucleotit -A-X-U-G-X-A-U-G- được tổng hợp từ mạch 2 của gen. Trình tự sắp xếp các nucleotit trên mạch 1 của gen sẽ là

A. -T-G-A-X-G-A-A-X-

B. -A-X-T-G-X-A-T-G-

C. -U-G-A-X-G-A-A-X-

D. -G-G-A-X-G-A-A-X-

2. Phần tự luận

Câu 1: Trình bày quá trình phát sinh giao tử đực và cái.

Câu 2: Trình bày quá trình tự nhân đôi của ADN. Quá trình nhân đôi ADN dựa theo những nguyên tắc nào?

Câu 3: Trình bày quá trình tổng hợp mARN (phiên mã). Quá trình tổng hợp mARN dựa theo những nguyên tắc nào?

Câu 4: Trình bày các bậc cấu trúc, chức năng của protein.

Câu 5: Trình bày quá trình tổng hợp protein (dịch mã).

Câu 6: Có 8 tế bào của một cơ thể ruồi giấm tiến hành nguyên phân liên tiếp 3 lần. 50% số tế bào con tiếp tục giảm phân đã tạo ra được 32 giao tử. Hãy xác định giới tính của cơ thể?

Câu 7. Một gen có chiều dài 4080A⁰ và số nucleotit loại A chiếm 20% tổng số nu của gen. Hãy xác định:

a. Số chu kì xoắn của gen?

b. Số nucleotit mỗi loại của gen?

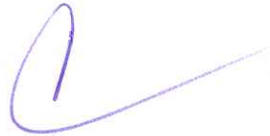
c. Số liên kết hidro có trong gen đó?

BGH duyệt

TTCM

NTCM


Khúc Thị Mỹ Hạnh


Đỗ Minh Phụng


Hoàng Thị Khuyên

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 1 đến hết tuần 13

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Phát biểu mối quan hệ giữa cường độ dòng điện và hiệu điện thế giữa 2 đầu dây dẫn?

Câu 2: Phát biểu và viết biểu thức định luật Ôm? Điện trở có ý nghĩa gì?

Câu 3: Hệ thống các công thức đã học của đoạn mạch nối tiếp, đoạn mạch song song?

Câu 4: Điện trở của một dây dẫn phụ thuộc các yếu tố nào và phụ thuộc như thế nào?

Viết công thức tính điện trở?

Câu 5: Có mấy loại biến trở? Kể tên? Tác dụng của biến trở trong mạch điện?

Câu 6: Trình bày về công của dòng điện?

Câu 7: Phát biểu định luật Jun Lenxo? Viết biểu thức và giải thích các đại lượng?

Câu 8: Nêu các tính chất và đặc điểm của nam châm vĩnh cửu?

Câu 9: Từ trường là gì? Làm thế nào để nhận biết từ trường?

Câu 10: Trình bày về từ phổ, đường sức từ của nam châm thẳng và ống dây khi có dòng điện chạy qua? Nêu chiều đường sức từ bên ngoài thanh nam châm? Phát biểu quy tắc nắm tay phải?

Câu 11: Sắt, thép nhiễm từ như thế nào? Nêu cấu tạo của nam châm điện? Trình bày ứng dụng của nam châm ở loa điện?

Câu 12: Trình bày về lực điện từ? Nêu quy tắc bàn tay trái?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

A. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Xét các dây dẫn được làm từ cùng một loại vật liệu, nếu chiều dài dây dẫn giảm đi 5 lần và tiết diện không đổi thì điện trở của dây dẫn thay đổi như thế nào?

- A. Điện trở của dây dẫn tăng lên 10 lần.
- B. Điện trở của dây dẫn giảm đi 10 lần.
- C. Điện trở của dây dẫn tăng lên 5 lần.
- D. Điện trở của dây dẫn giảm đi 5 lần.

Câu 2: Mắc các dây dẫn vào hiệu điện thế không đổi. Trong cùng một thời gian thì nhiệt lượng toả ra trên dây dẫn thay đổi như thế nào vào điện trở dây dẫn?

- A. Tăng gấp đôi khi điện trở của dây dẫn giảm đi một nửa.
- B. Tăng gấp đôi khi điện trở của dây dẫn tăng lên gấp đôi.
- C. Tăng gấp bốn khi điện trở của dây dẫn giảm đi một nửa.
- D. Giảm đi một nửa khi điện trở của dây dẫn tăng lên gấp bốn.

Câu 3: Trên thanh nam châm chỗ nào hút sắt mạnh nhất?

- A. Phần giữa của thanh
- B. Chỉ có từ cực Bắc
- C. Cả hai từ cực
- D. Mọi chỗ đều hút sắt mạnh như nhau

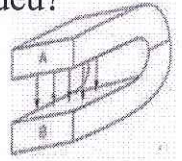
Câu 4: Từ phổ là hình ảnh cụ thể về:

- A. các đường sức điện.
- B. các đường sức từ.
- C. cường độ điện trường.
- D. cảm ứng từ.

Câu 5: Quy tắc nắm tay phải dùng để xác định chiều đường sức từ:

- A. nam châm thẳng.
- B. ống dây
- C. dây dẫn thẳng có dòng điện chạy qua
- D. trong lòng ống dây có dòng điện chạy qua

Câu 6: Quan sát chiều của đường sức từ của nam châm chữ U. Hãy xác định từ cực của nam châm và cho biết tại vị trí nào của nam châm thì có từ trường đều?



- A. Cực Bắc tại B, cực Nam tại A. Từ trường đều tại hai cực
- B. Cực Bắc tại A, cực Nam tại B. Từ trường đều tại hai cực
- C. Cực Bắc tại B, cực Nam tại A. Từ trường đều ở giữa hai nhánh của nam châm
- D. Cực Bắc tại A, cực Nam tại B. Từ trường đều ở giữa hai nhánh của nam châm

Câu 7: Nam châm điện là một cuộn dây dẫn:

- A. Không cần lõi
- B. có lõi là một thanh thép
- C. Có lõi là một thanh sắt non
- D. có lõi là một thanh nam châm

Câu 8: Đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 , R_2 mắc song song với nhau. Biết $R_1 = 10\Omega$ điện trở tương đương của mạch là $R_{td} = 5\Omega$. Thì R_2 là :

- A. $R_2 = 2\Omega$
- B. $R_2 = 6\Omega$
- C. $R_2 = 5\Omega$
- D. $R_2 = 10\Omega$

Câu 9: Định luật Jun-Lenxơ cho biết điện năng biến đổi thành:

- A. Hoá năng.
- B. Năng lượng ánh sáng.
- C. Cơ năng.
- D. Nhiệt năng.

Câu 10. Mắc nối tiếp hai bóng đèn lần lượt có ghi số 12V- 9W và 12V- 6W vào nguồn điện có hiệu điện thế 24V thì:

- A. Đèn thứ nhất sáng yếu hơn bình thường.
- B. Đèn thứ hai sáng yếu hơn bình thường
- C. Hai đèn sáng bình thường .
- D. Đèn thứ nhất sáng mạnh hơn bình thường

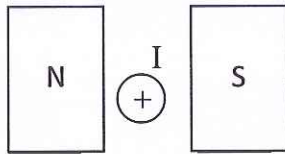
B. Bài tập tự luận

Dạng 1: Bài tập về quy tắc nắm tay phải và quy tắc bàn tay trái

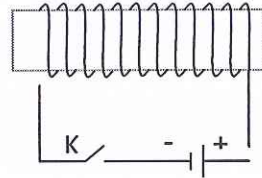
1. Bài tập 1,2 trang 82/SGK

2. a, Xác định chiều của lực điện từ ở H1

b, Xác định chiều đường sức từ ở ống dây khi K đóng (H2)



H1



H2

Dạng 2: Bài tập về định luật Ôm, công, công suất, định luật Jun-Lenxo

Bài 1: Một bếp điện có ghi: 220V-1500W được sử dụng ở nguồn điện 220V.

a. Bếp được sử dụng để đun sôi 3l nước ở 15°C có $C = 4200\text{J/kg.K}$. Tính thời gian đun sôi lượng nước trên biết hiệu suất của bếp là 90%

c. Mỗi ngày bếp điện này được sử dụng 3h. Hãy tính tiền điện mà bếp phải trả trong 30 ngày. Biết 100kWh đầu có giá 1000đ, 100kWh tiếp theo có giá 2000đ.

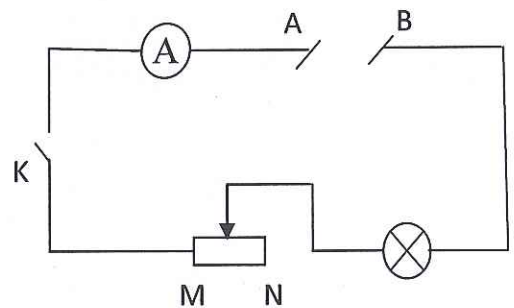
Bài 2 : Cho mạch điện như hình vẽ:

Bóng đèn loại 15V – 5W. Khi đóng K đèn sáng bình thường. $U_{AB} = 20\text{V}$ không đổi.

a. Tính giá trị biến trở khi đèn sáng bình thường?

b. Tính điện năng tiêu thụ toàn mạch trong thời gian 45p?

c. Khi con chạy của biến trở dịch chuyển từ trái sang phải thì độ sáng của đèn thay đổi như thế nào?



BGH duyệt

TTCM

NTCM



Khúc Thị Mỹ Hạnh

Đỗ Minh Phượng

Nguyễn Thu An

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Năm học 2023 -2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA
CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: HÓA HỌC - KHỐI: 9

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13
2. Một số câu hỏi trọng tâm (Khuyến khích trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy)

Câu 1. Nêu tính chất hóa học của oxide, acid, base, muối? Viết phương trình phản ứng minh họa?

Câu 2. Nêu tính chất hóa học, nguyên liệu và phương pháp điều chế, ứng dụng của các hợp chất vô cơ cụ thể: CaO , SO_2 , H_2SO_4 , HCl , NaOH , Ca(OH)_2 , NaCl . Viết các PTPU minh họa?

Câu 3. Ý nghĩa dãy hoạt động hóa học của kim loại? Nêu tính chất hóa học chung của kim loại? Viết PTPU?

Câu 4. So sánh tính chất hóa học(giống và khác nhau) của 2 kim loại Al và Fe (kể bảng so sánh). Viết PTPU minh họa?

Câu 5. Thế nào là gang và thép? Gang và thép có ứng dụng như thế nào trong đời sống và trong công nghiệp?

Câu 6. Thế nào là ăn mòn kim loại? Nêu các biện pháp bảo vệ kim loại không bị ăn mòn?

Phần 2: Một số bài tập minh họa

Dạng I. Bài tập trắc nghiệm

Chọn các phương án đúng

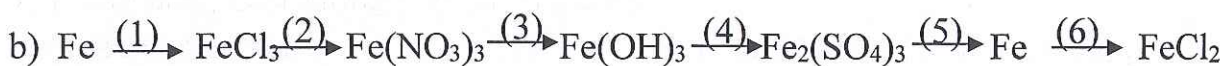
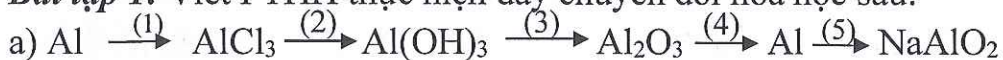
1. Cho 50 g CaCO_3 vào dung dịch HCl dư thể tích CO_2 thu được ở đktc là
A. 11,2 lít B. 1,12 lít C. 2,24 lít D. 22,4 lít
2. Dãy kim loại nào sau đây có thể tác dụng với dung dịch acid HCl ?
A. Zn, Pb, Ag. B. Zn, Mg, Au. C. Fe, Al, Mg. D. Ag, Cu, Mg.
3. Dãy kim loại nào sau đây xếp theo **khả năng hoạt động hóa học tăng dần**?
A. Ag, Cu, Pb, Fe. B. K, Mg, Fe, Cu. C. K, Zn, Mg, Cu. D. Cu, Fe, Al, Pb.
4. Có thể dùng chất nào sau đây để làm sạch dung dịch FeSO_4 có lẫn CuSO_4 ?
A. dung dịch NaOH B. Fe C. Al D. dung dịch HCl
5. Con dao bằng thép không bị gỉ nếu:
A. Sau khi dùng, rửa sạch, lau khô. B. Cắt chanh rồi không rửa
C. Ngâm trong nước tự nhiên lâu ngày D. Ngâm trong nước muối một thời gian
6. Trộn 2 dung dịch nào sau đây sẽ **xuất hiện kết tủa**?
A. dung dịch BaCl_2 và dung dịch H_2SO_4 B. dung dịch Na_2SO_4 và dung dịch AlCl_3
C. dung dịch NaCl và dung dịch KNO_3 D. dung dịch MgSO_4 và dung dịch CuCl_2
7. Trong công nghiệp, nhôm được sản xuất theo cách:
A. Dùng than chì để khử Al_2O_3 ở nhiệt độ cao.

- B. Điện phân dung dịch muối nhôm.
 C. Điện phân Al_2O_3 nóng chảy (điện cực criolit).
 D. Dùng kim loại mạnh như Na, K... đẩy Al ra khỏi dung dịch muối nhôm.
8. Sự ăn mòn kim loại diễn ra nhanh nhất trong môi trường:
 A. chân không B. nước cất C. không khí khô D. nước có hòa tan oxi.
9. Trong thép, hàm lượng carbon có giá trị
 A. từ 2% đến 5%. B. dưới 2%. C. từ 5% đến 10% D. bằng 2%
10. Sau khi làm thí nghiệm có những khí thoát ra như sau: HCl, H_2S , CO_2 , SO_2 . Cần sử dụng chất nào sau đây để loại bỏ chúng là tốt nhất?
 A. Nước vôi trong B. Dung dịch HCl C. Dung dịch NaCl D. Nước

Dạng II.

Bài tập tự luận:

Bài tập 1: Viết PTHH thực hiện dãy chuyển đổi hóa học sau:



Bài tập 2: Hoà tan hoàn toàn 10,8 gam hỗn hợp A gồm 2 kim loại là Mg và Fe vào 250 ml dung dịch axit clohidric thu được 5,6 lít khí hydrogen (đktc)

- Tính % khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp A?
- Xác định nồng độ mol của dung dịch axit đã dùng?

Bài tập 3: Giải thích vì sao?

- Không dùng đồ bằng nhôm để đựng nước vôi trong?
- Vôi sống để lâu ngoài không khí lại kém phẩm chất?

BGH duyệt

TTCM

NTCM



Khúc Thị Mỹ Hạnh

Đỗ Minh Phương

Đỗ Thị Thanh Hương

I. PART 1: KNOWLEDGE

1. Vocabulary: Unit 1,2,3,4,5,6

2. Grammar

- Complex sentences (adverb clauses of concession, purpose, reason, time)
- Phrasal verbs
- Comparison of adjectives and adverbs (review)
- Reported Speech

- Question words before *to*-infinitive
- Used to
- Wishes for the present, future
- Passive voice: Impersonal passive
- Suggest + V/ing/clause with *should*
- Adj + *to* V, adj + *that* clause

3. Phonetics: all the sounds and stress that students have learnt.

II. PART 2: EXERCISES

Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|--------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. A. str <u>uct</u> ure | B. t <u>un</u> nel | C. pr <u>o</u> duct | D. fab <u>u</u> lous |
| 2. A. villag <u>e</u> s | B. tabl <u>e</u> s | C. bench <u>e</u> s | D. box <u>e</u> s |
| 3. A. cultur <u>a</u> l | B. condu <u>c</u> t | C. st <u>u</u> ck | D. fabul <u>o</u> us |
| 4. A. hel <u>p</u> line | B. adv <u>i</u> ce | C. decis <u>i</u> on | D. deligh <u>t</u> ed |
| 5. A. preserv <u>e</u> d | B. relax <u>e</u> d | C. depress <u>e</u> d | d. stress <u>e</u> d |

Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|---------------------|---------------|----------------|----------------|
| 6. A. fortress | B. setting | C. complex | D. event |
| 7. A. fantastic | B. astounding | C. conical | D. illiterate |
| 8. A. paradise | B. astonished | C. variety | D. determine |
| 9. A. machine | B. workshop | C. pilgrim | D. lantern |
| 10. A. authenticity | B. generation | C. picturesque | D. spectacular |

Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the following questions.

11. The _____ between generations seems to be bigger and bigger than ever.

- | | | | |
|----------|----------|--------|-------------|
| A. blank | B. space | C. gap | D. distance |
|----------|----------|--------|-------------|

12. We were charmed by the _____ of the local people when walking around this village.

- | | | | |
|-----------------|-------------|-----------|---------------|
| A. friendliness | B. friendly | C. friend | D. friendship |
|-----------------|-------------|-----------|---------------|

13. There is no need to _____. It's just an informal party.

- | | | | |
|--------------|-------------|-----------|------------|
| A. take over | B. dress up | C. get on | D. set off |
|--------------|-------------|-----------|------------|

14. A conical hat is a well-known handicraft, not only in Viet Nam, _____ all around the world.

- | | | | |
|--------|--------|-------|-------|
| A. and | B. but | C. so | D. or |
|--------|--------|-------|-------|

15. Nam wanted to know what time _____.

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| A. the movie begins | B. the movie began |
| C. did the movie begin | D. does the movie begin |

16. My phone _____ by the time I woke up.

- | | | | |
|--------------------|----------------|---------------------|-------------------------|
| A. had disappeared | B. disappeared | C. was disappearing | D. had been disappeared |
|--------------------|----------------|---------------------|-------------------------|

17. Now at the age of 80, the artisan is leaving craft to his descendants with a desire to _____ this ancient craft.

- | | | | |
|-------------|------------|-----------|-------------|
| A. preserve | B. reserve | C. change | D. consider |
|-------------|------------|-----------|-------------|

18. The local government suggested _____ a road through the Nam Cat Tien National Park.

- | | | | |
|----------|-------------|-------------|----------------|
| A. build | B. to build | C. building | D. being built |
|----------|-------------|-------------|----------------|

19. It _____ that the strike will end soon.

- | | | | |
|----------------|-------------|-----------------|------------|
| A. is expected | B. expected | C. are expected | D. expects |
|----------------|-------------|-----------------|------------|

Choose the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.

20. "It's a New Year tradition in Russia for people to take a bath in a hole which is dug in the ice"

- " _____ "

A. Congratulations! B. I can't imagine that. C. Oh poor! D. Sure.

21. Mai: Would you like to join us on the trip to La Khe Silk Village?

Nga : _____

A. Sounds great. B. For now. C. Better things happened. D. I don't think so.

Choose the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

22. We wish we can consult an expert on how to solve this problem.

A. can B. an C. to solve D. this problem

23. When he came, I watched a football match on TV.

A. When B. came C. watched D. match on TV

24. Mai has stayed on her uncle's farm for last week.

A. has stayed B. on C. uncle's D. for

25. He said he would go to England next week.

A. He B. would go C. to D. next week

26. They suggested to spend the summer holiday on an island in Pacific Ocean.

A. to spend B. on C. an island D. Pacific Ocean

Choose the letter A, B, C or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

27. A smartphone is too costly for him to even have a normal one.

A. economical B. expensive C. priceless D. valuable

28. The entrance to the front of the building was locked, so we had to use the back doors instead.

A. staircase B. window C. exit D. escalator

Choose the letter A, B, C or D to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

29. The Internet is available only in cities and towns, so we cannot easily get access to it in the countryside.

A. visiting B. existing C. safe D. helpful

30. During the snow storm, many people made the decision to abandon their cars on the highway.

A. lose B. save C. leave D. sell

Read the following passage and choose the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks.

Traditionally, rural villages in Vietnam produced handicrafts (31)_____ they were not busy with planting or harvesting crops. Over time, many villages developed the expertise to (32)_____ specialized products and so particular villages became famous (33)_____ such things as weaving, woodwork, lacquer work and metal products.

With (34) _____ many villagers moved to the cities but not maintained their craft skills and networks to produce products for the city market, for example, craft villages make furniture, grow flowers or make utensils for the urban population. Other villages changed from making (35)_____ crafts to producing different products desired by an industrialized society.

31. A. where B. when C. how D. why

32. A. do B. get C. give D. make

33. A. for B. at C. in D. after

34. A. industrial B. industrialize C. industrialization D. industry

35. A. cultural B. traditional C. natural D. industrial

Read the following passage and choose the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

Son Doong Cave has become more famous after the American Broadcasting Company (ABC) aired a live programme featuring its magnificence on 'Good Morning America' in May 2015.

Located in Quang Binh Province, Son Doong Cave was discovered by a local man named Ho Khanh in 1991, and became known internationally in 2009 thanks to British cavers, led by Howard Limbert. The cave was formed about 2 to 5 million years ago by river water eroding away the limestone underneath the mountain. It contains some of the tallest known stalagmites in the world - up to 70 metres tall. The cave is

more than 200 metres wide, 150 metres high, and nearly 9 kilometres long, with caverns big enough to fit an entire street inside them. Son Doong Cave is recognised as the largest cave in the world by BCRA (British Cave Research Association) and selected as one of the most beautiful on earth by the BBC (British Broadcasting Corporation).

In August 2013, the first tourist group explored the cave on a guided tour. Permits are now required to access the cave and are made available on a limited basis. Only 500 permits were issued for the 2015 season, which runs from February to August. After August, heavy rains cause river levels to rise and make the cave largely inaccessible.

36. What happened to Son Doong Cave in May 2015?

- A. It was discovered by a local man named Ho Khanh.
- B. A live programme featuring its magnificence was broadcast on 'Good Morning America' by the American Broadcasting Company (ABC).
- C. It became known internationally thanks to British cavers, led by Howard Limbert.
- D. It was explored by the first tourist group.

37. Which statement is NOT true about Son Doong Cave?

- A. Tourists can explore Son Doong Cave daily throughout the year.
- B. The cave was formed about 2 to 5 million years ago.
- C. It was formed by river water eroding away the limestone underneath the mountain.
- D. Some of the stalagmites in Son Doong Cave are about 70 metres tall.

38. The word 'them' refers to _____.

- A. British cavers
- B. stalagmites
- C. kilometers
- D. caverns

39. The word 'inaccessible' in the passage probably means _____.

- A. should not be accessed
- B. need to be careful
- C. cannot be reached
- D. may be flooded

40. From the passage, we know that _____.

- A. there is a street inside Son Doong Cave
- B. the cave is always covered with rain water
- C. few tourists want to come to the cave
- D. tourists need permission to explore the cave

Choose letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to the original sentence in each of the following questions.

41. Pitt can't speak English well.

- A. Pitt wishes he can speak English well.
- B. Pitt wishes he could speak English well.
- C. Pitt wish he could speak English well.
- D. Pitt wishes he couldn't speak English well.

42. "Is it too early to apply for the course?" she said.

- A. She asked it was too early to apply for the course.
- B. She asked if it is too early to apply for the course.
- C. She asked if it was too early to apply for the course.
- D. She asked whether it were too early to apply for the course.

43. People expect that the report will suggest some major reforms.

- A. It is expected that the report will suggest some major reforms.
- B. It was expected that the report will suggest some major reforms.
- C. The report is expected that it will suggest some major reforms.
- D. It expected that the report will suggest some major reforms.

44. I think Da Nang is not so exciting as Ho Chi Minh City.

- A. I think Ho Chi Minh City is more exciting as Da Nang.
- B. I think Ho Chi Minh City is less exciting than Da Nang.
- C. I think Ho Chi Minh City is exciting than Da Nang.
- D. I think Ho Chi Minh City is more exciting than Da Nang.

45. They offered her a trip to Europe but she rejected it.
A. They offered her a trip to Europe but she turned it down.
B. They offered her a trip to Europe but she turned it off.
C. They offered her a trip to Europe but she turned it up.
D. They offered her a trip to Europe but she turned it over.

Choose letter A, B, C or D to indicate the sentence that is built from the words and phrases given.

46. Although/ his leg/ broken/,/ he/ manage/get out/ the car.
A. Although his leg is broken, he managed to get out of the car.
B. Although his leg was broken, he managed to get out of the car.
C. Although his leg was broken, he manages to get out of the car.
D. Although his leg were broken, he managed to get out of the car.
47. They/ not/ sure/ who/ meet/ entrance.
A. They are not sure who to meet at the entrance.
B. They are not sure who meeting at the entrance.
C. They are not sure who to meeting at the entrance.
D. They are not sure who meet at the entrance.
48. He/ use/ smoke/ a package/ day/ but/ he/ stop/ two years/ ago.
A. He use to smoke a package a day but he stopped two years ago.
B. He used to smoking a package a day but he stopped two years ago.
C. He used to smoke a package a day but he stopped two years ago.
D. He didn't used to smoke a package a day but he stopped two years ago.
49. I/ be/ delighted/ I/ pass/ final exams.
A. I was very delighted that I passed the final exams.
B. I be very delighted that I passed the final exams.
C. I was very delighted that I pass the final exams.
D. I were very delighted I passed the final exams.
50. His doctor/ suggest/ he/ reduce/ working hours/ and/ take/ exercises.
A. His doctor suggested that he should reduces his working hours and take some exercises.
B. His doctor suggested that he reduces his working hours and take some exercises.
C. His doctor suggested that he reducing his working hours and take some exercises.
D. His doctor suggested that he should reduce his working hours and take some exercises.



Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thùy Chi

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023 - 2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA
CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: ÂM NHẠC 9

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Ôn tập 3 bài hát:

- Bóng dáng một ngôi trường
- Nụ cười
- Lí kéo chài.

2. Lí thuyết âm nhạc:

- Giới thiệu về quãng
- Sơ lược về hợp âm

3. Tập đọc nhạc:

- TĐN số 2, số 3, số 4.

II. KĨ NĂNG – KỸ THUẬT CẦN ĐẠT:

- Thực hiện đúng các yêu cầu của bài hát, đúng kĩ thuật, thuộc lời, TĐN đúng cao độ, trường độ, gõ đúng tiết tấu, nhịp phách.
- Nắm vững các kiến thức về nhạc lí để sử dụng cho bài hát và bài TĐN.

III. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

- Thực hành: Tại phòng học của các lớp
- Kiểm tra theo hình nhóm hoặc từng học sinh.



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Quỳnh Diệp

NTCM

Nguyễn Thị Nhàn

UBND QUẬN LONG BIÊN
Trường THCS Ngọc Lâm
NĂM HỌC 2023-2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA
CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: THỂ DỤC 9

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung: Nhảy xa
2. Ôn tập nội dung: Chạy ngắn

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện đúng kỹ thuật , và hoàn thiện đúng 4 giai đoạn của Nhảy xa kiểu ngòi
- Thực hiện đúng kỹ thuật chạy cự li ngắn đạt thành tích cao .

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đình Lý Huỳnh

I. PHẦN I: NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức đã học:

(Từ tuần 1 đến hết tuần 13)

a. Văn bản:

- Phong cách Hồ Chí Minh, Đấu tranh cho một Thế giới hoà bình, Tuyên bố Thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em,
- Chuyện người con gái Nam Xương, Hoàng Lê nhất thống chí – hồi thứ 14, Chị em Thuý Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích, Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga
- Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Bếp lửa, Đoàn thuyền đánh cá, Ánh trăng, Làng
- Yêu cầu: học thuộc thơ, tóm tắt truyện, nắm được hoàn cảnh ra đời, thể loại, đặc sắc nội dung và nghệ thuật, các luận điểm trong văn bản nghị luận...

b. Tiếng Việt:

- Các phương châm hội thoại
- Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp
- Các đơn vị kiến thức học ở lớp 6,7,8

Yêu cầu: nắm được đặc điểm các đơn vị kiến thức và vận dụng vào viết đoạn văn

c. Tập làm văn: viết đoạn văn NLVH, NLXH

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Dạng 1. Câu hỏi đọc - hiểu:

- a, Tên văn bản- thể loại, chép thuộc, nêu phương thức biểu đạt,....
- b. Xác định kiến thức tiếng Việt và tác dụng của việc sử dụng yếu tố đó

Dạng 2. Tóm tắt văn bản truyện

Dạng 3. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

- a. Hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung
- b. Hình ảnh những chiếc xe không kính
- c. Khổ 4 bài “Bếp lửa”
- d. Khổ 5 bài “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”
- e. Khổ thơ thứ 3-4 của bài “Đoàn thuyền đánh cá”
- e. Tình yêu làng của ông Hai

Dạng 4. Đoạn văn liên hệ:

- a. Suy nghĩ của em về tính khiêm tốn
- b. Suy nghĩ về vai trò của sự kiên trì, nghị lực
- c. Suy nghĩ về giá trị của lời xin lỗi

II. PHẦN II: MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HOẠ

1. Dạng 1: Đọc hiểu

Bài tập 1: Cho câu thơ “Ruộng nương anh gửi bạn thân cày”

Câu 1. Các câu thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Của ai?

Câu 2. Từ “mặc kệ” trong câu thơ “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” có nghĩa là gì? Qua đó em hiểu gì về những người lính?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Câu 4. Nêu cảm nhận của em về câu thơ “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay!” ?

Câu 5. Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?

Bài tập 2: Đọc và trả lời câu hỏi

*Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Câu 1. Giải thích ý nghĩa nhan đề của văn bản có khổ thơ trên

Câu 2. Hai câu đầu tác giả sử dụng nghệ thuật gì? Nêu tác dụng?

Câu 3. Qua hình ảnh chiếc xe trong khổ thơ, em hình dung như thế nào về hiện thực của cuộc kháng chiến chống Mỹ?

Câu 4. Biện pháp tu từ nào được sử dụng ở câu thơ cuối của khổ thơ? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Bài tập 3: Cho câu thơ: *Thuyền ta lái gió với buồm trăng.*

Câu 1. Chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện đoạn thơ. Các câu thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

Câu 2. Những động từ: lái, lướt, đậu, dò, dàn đan, vây giăng...trong đoạn thơ trên mang lại ý nghĩa gì? Qua đó em hiểu thêm gì về tác giả?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

Câu 4. Nêu cảm nhận của em về câu thơ “*Thuyền ta lái gió với buồm trăng/ Lướt giữa mây cao với biển bằng*” ?

Câu 5. Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ là “Đoàn thuyền đánh cá”?

Bài tập 3: Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi:

“Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm (1). Chẳng lẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được (2). Ông kiểm điểm từng người trong óc (3). Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà (4). Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm cái điều nhục nhã ấy!...(5)”

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

Câu 2: “Ông lão” trong đoạn trích trên là nhân vật nào? Điều “nhục nhã” được nói đến là điều gì?

Câu 3: Trong đoạn trích trên, những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật? Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

Câu 4. Đoạn trích trên nằm trong tình huống truyện nào? Tác dụng?

Dạng 2. Tóm tắt văn bản

a. Chuyện người con gái Nam Xương

b. Làng

Dạng 3. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

Câu 1. Viết đoạn văn ngắn theo phương pháp diễn dịch phân tích biểu tượng cao đẹp nhất của tình đồng chí thông qua 3 câu thơ cuối khổ 2 bài “Đồng chí”, trong đó có sử dụng câu bị động, câu ghép (gạch chân và chỉ rõ)

Câu 2. Viết đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu phân tích hình ảnh những chiếc xe không kính trong « Bài thơ về tiểu đội xe không kính » trong đó có sử dụng câu phủ định và trợ từ (gạch chân và chỉ rõ)

Câu 3. Viết đoạn văn T-P-H khoảng 12 câu nêu cảm nhận về tình yêu làng của ông hai trong truyện ngắn “Làng”, trong đó có sử dụng câu cảm thán, trợ từ (gạch chân và chỉ rõ).

Dạng 4. Ngữ liệu mở

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Người có tính khiêm tốn thường hay tự cho mình là kém, còn phải phấn đấu thêm, trau dồi thêm, cần được trao đổi, học hỏi nhiều thêm nữa. Người có tính khiêm tốn không bao giờ chịu chấp nhận sự thành công của cá nhân mình trong hoàn cảnh hiện tại, lúc nào cũng cho sự thành công của mình là tầm thường, không đáng kể, luôn luôn tìm cách để học hỏi thêm nữa.

Tại sao con người lại phải khiêm tốn như thế? Đó là vì cuộc đời là một cuộc đấu tranh bất tận, mà tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước bé nhỏ giữa đại dương bao la. Sự hiểu biết của mỗi cá nhân không thể đem so sánh với mọi người cùng chung sống với mình. Vì thế, dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi.

Tóm lại, con người khiêm tốn là con người hoàn toàn biết mình, hiểu người, không tự mình đề cao vai trò, ca tụng chiến công của cá nhân mình cũng như không bao giờ chấp nhận một ý thức chịu thua mang nhiều mặc cảm tự ti đối với mọi người.

Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời.

(Trích *Tinh hoa xử thế*, Lâm Ngữ Đường, Ngữ văn 7, tập 2, NXB Giáo dục, 2015, tr.70 – 71)

Câu 1. Trong đoạn văn thứ nhất, người có tính khiêm tốn có biểu hiện như nào?

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp liệt kê được sử dụng trong đoạn văn thứ nhất?

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói sau: “Tài nghệ của mỗi cá nhân tuy là quan trọng, nhưng thật ra chỉ là những giọt nước nhỏ giữa đại dương bao la”.

Câu 4. Anh/chị có đồng tình với ý kiến: Dù tài năng đến đâu cũng luôn luôn phải học thêm, học mãi mãi? Vì sao?

Câu 5. Từ nội dung phần Đọc hiểu cùng những hiểu biết của bản thân, em hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ về ý kiến: “Khiêm tốn là một điều không thể thiếu cho những ai muốn thành công trên đường đời”.

Bài 2: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

[...]Cứ đến chủ đề về ơn nghĩa sinh thành thì ngập tràn hộp thư “Thay lời muốn nói” sẽ là những câu xin lỗi ba mẹ từ các bạn trẻ. Là những lời xin lỗi được gửi đến những bậc ba mẹ còn sống. Mà, nội dung của những lời xin lỗi cũng... na ná nhau, kiểu như: “Con biết ba mẹ rất cực khổ vì con... Con biết con đã làm cho ba mẹ buồn rất

hiều. Con xin lỗi ba mẹ”. Xin lỗi, nhưng mình hay gọi đây là “những lời xin lỗi mang tính phong trào”, và những áy náy ray rứt này là “những áy náy ray rứt theo làn sóng”, mỗi khi có ai hay có chương trình nào gọi nhắc, thì các bạn mới sực nhớ ra. Mà khổ cái, bản thân những lời xin lỗi ấy sợ rằng khó làm người được xin lỗi vui hơn, bởi vì đâu đợi tới chính họ, ngay cả chúng mình là những người làm chương trình đây cũng đều hiểu rằng, có lẽ chỉ vài ngày sau chương trình, cùng với nhịp sống ngày càng nhanh ngày càng vội, cùng với lịch đi học, đi làm, đi giải trí sau giờ học, giờ làm..., những lời xin lỗi ấy sợ rằng sẽ sớm được vứt ra sau đầu; và những cảm giác áy náy, ăn năn ấy sẽ sớm chìm sâu, chẳng còn mảy may gợi sóng. Cho đến khi... lại được nhắc mà sực nhớ ra ở lần kế tiếp. Điều đó, đáng buồn là một sự thật ở một bộ phận không nhỏ những người trẻ, bây giờ.

(*Thương còn không hết..., ghét nhau chi*, Lê Đỗ Quỳnh Hương, Nxb Trẻ, tr.31-32)

Câu 1. Chỉ ra những nghịch lí trong những lời xin lỗi của các bạn trẻ được nêu trong đoạn trích.

Câu 2. Tác giả thể hiện tâm trạng như thế nào trước thực trạng những lời xin lỗi phong trào tràn ngập mỗi dịp làm về chủ đề *đền ơn nghĩa sinh thành*?

Câu 3. Theo anh/chị, nguyên nhân nào dẫn tới những lời xin lỗi mang tính phong trào và những áy náy ray rứt theo làn sóng trong ứng xử của một bộ phận không nhỏ những người trẻ ngày nay?

Câu 4. Theo anh/chị, điều gì quan trọng nhất trong một lời xin lỗi? Vì sao? (1.0 điểm)

Câu 5. Từ thông điệp của đoạn trích ở phần Đọc hiểu cùng hiểu biết của bản thân, em hãy viết một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy với chủ đề: *Giá trị của lời xin lỗi đúng cách*.

Bài 3: Đọc văn bản:

Điều cô chưa nói

Trời đã không mưa cho tới buổi chiều nay
Các em đẹp bất ngờ buổi sáng ngày bé giảng
Cái khoảnh khắc em cầm sen tạo dáng
Thuốt tha áo dài điệu múa ở đẳng xa

Sau sân trường này sẽ là những ngã ba
Các em phải đi và tự mình chọn lựa
Lắm chông gai và cũng nhiều lời hứa
Cám dỗ em, em phải biết giữ mình

Đời người tránh sao được những phút “chùng
chình”
Ai cũng có một “bến quê” để lãng quên rồi mơ
ước

Mong em bình tâm trước những điều mắt được
Và bên gan đi đến cuối hành trình

Trái tim em thao thức một mối tình
Mối tình nói hay mối tình chưa ngỏ
Những hạnh phúc ngọt ngào hay phút giây làm
lỡ
Những nỗi nhớ không lời, những cảm xúc không
tên

Và giấc mơ theo điệu múa cháy lên
Cô ở lại, cánh chim bay đi nhé
Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ
Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em

(“*Điều cô chưa nói*”- Hà Thị Hạnh, Trích *Văn học và Tuổi trẻ*, số 5+ 6 năm 2014, tr 64)

Câu 1: Bài thơ là lời của ai, nói với ai?

Câu 2: Vẻ đẹp của “em” trong ngày bé giảng hiện lên qua những hình ảnh nào?

Câu 3: Tác giả muốn gửi gắm tâm sự gì qua hai câu thơ:

*Lau nước mắt đi những tâm hồn rất trẻ
Ngoài cửa sổ này, chân trời mới đợi em*

Câu 4: Anh/chị có đồng tình với quan điểm của tác giả trong câu thơ “Sau sân trường này sẽ là những ngã ba/ Các em phải đi và tự mình chọn lựa” không? Vì sao?

Câu 5. Từ nội dung phần đọc hiểu và hiểu biết của mình, em hãy viết đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy trình bày suy nghĩ của mình về: *Vai trò của nghị lực, sự kiên trì, biết chấp nhận thất bại trên con đường vươn đến mục tiêu trong cuộc sống.*



Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Nguyễn Thị Bình

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP.

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13.

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1. Trình bày tình hình nước Mĩ sau CTTG thứ 2?

Câu 2. Trình bày những nguyên nhân khiến kinh tế Mĩ suy giảm sau những năm 79 của TK XX?

Câu 3. Trình bày tình hình nước Nhật Bản sau CTTG thứ 2, làm rõ sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản?

Câu 4. Trình bày quan hệ quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai?

II. MỘT SỐ BÀI TẬP MINH HỌA.

Câu 1. Điểm nổi bật trong chính sách đối nội của Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Thực hiện chế độ phân biệt chủng tộc Apacthai.

B. Đàn áp phong trào công nhân, cấm Đảng Cộng sản Mĩ hoạt động.

C. Đưa giai cấp vô sản lên nắm chính quyền.

D. Tiến hành hàng loạt các cuộc chiến tranh xâm lược.

Câu 2. Chính sách đối ngoại nổi bật của Mĩ trong giai đoạn 1991-2000 là

A. Cố gắng thiết lập trật tự thế giới đơn cực.

B. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

C. Thiết lập chế độ thực dân cũ ở châu Á, Mĩ Latinh.

D. Nói lỏng sự kiểm soát đối với Đảng Cộng sản ở Mĩ.

Câu 3. Sau chiến tranh thế giới thứ 2 nền kinh tế Mĩ thu được nhiều lợi nhuận từ

A. chế tạo, xuất khẩu vũ khí

B. sản xuất, xuất khẩu lương thực

C. xuất khẩu phần mềm tin học

D. bán phát minh khoa học kĩ thuật

Câu 4. Nguyên nhân nào *không* tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Không bị chiến tranh tàn phá.

B. Bán vũ khí cho các nước tham chiến.

C. Tập trung sản xuất và tập trung tư bản cao.

D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây *không* phải là nguyên nhân dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Mĩ sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sức cạnh tranh lớn của các tập đoàn tư bản lũng đoạn.

B. Mĩ buôn bán vũ khí và không bị chiến tranh tàn phá.

C. Mĩ áp dụng những thành tựu khoa học kĩ thuật.

D. Mĩ biết tận dụng các nguồn viện trợ bên ngoài.

Câu 6. Sự phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản bắt đầu vào khoảng thời gian nào?

A. Những năm 50 của thế kỉ XX.

B. Những năm 60 của thế kỉ XX.

C. Những năm 70 của thế kỉ XX.

D. Những năm 80 của thế kỉ XX.

Câu 7. Nội dung cơ bản của hiệp ước an ninh Mĩ- Nhật (1951) là

A. Mĩ cam kết không xâm lược Nhật Bản

B. Mĩ tái vũ trang cho Nhật

C. Nhật Bản được đặt dưới sự bảo hộ hạt nhân của Mĩ, để Mĩ đóng quân và xây dựng căn cứ trên lãnh thổ Nhật

D. Chấm dứt thời kì chiếm đóng của Đồng minh ở Nhật Bản

Câu 8. Nhân tố nào được coi là “ngọn gió thần” đối với nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Chiến tranh Triều Tiên, Việt Nam

B. Sự viện trợ của Mĩ cho Nhật Bản

C. Sự viện trợ của các nước Tây Âu cho Nhật Bản

D. Thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật hiện đại

Câu 9. Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX, nền kinh tế Nhật Bản có đặc điểm gì nổi bật?

A. Phát triển chậm chạp

B. Phát triển nhanh chóng

C. Phát triển không ổn định

D. Khủng hoảng, suy thoái kéo dài

Câu 10. Đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

A. Mềm mỏng về chính trị, tập trung vào phát triển các mối quan hệ kinh tế đối ngoại

B. Kí hiệp ước an ninh Mĩ - Nhật (08 - 09 - 1951).

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.



BAN GIÁM HIỆU

Ngô Thị Bích Liên

TỔ TRƯỞNG

Lưu Hoàng Trang

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thảo

I.NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1.Các đơn vị kiến thức: Từ tuần 01 đến tuần 13

2.Các câu hỏi trọng tâm :

Câu 1. Phân tích đặc điểm tự nhiên và thế mạnh kinh tế của tiểu vùng Tây Bắc và Đông Bắc của vùng trung du và miền núi Bắc bộ?

Câu 2. Dựa vào điều kiện tự nhiên giải thích vì sao vùng trung du và miền núi Bắc bộ có diện tích và sản lượng cây chè lớn nhất cả nước?

Câu 3 . Phân tích các yếu tố tự nhiên của vùng đb sông Hồng để phát triển cây lương thực?

Câu 4. Phân tích vai trò của cây vụ đông trong phát triển nông nghiệp ở vùng Đồng bằng sông Hồng?

Câu 5. Chứng minh du lịch là thế mạnh của Bắc Trung bộ?

II MỘT SỐ CÂU HỎI MINH HỌA: TNKQ: (Ôn tập từ bài 1 đến bài 24)

Câu 1. Trong cơ cấu giá trị hàng hóa xuất khẩu của nước ta, chiếm tỉ trọng cao nhất là

- A.hàng công nghiệp nặng và khoáng sản
- B.hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp
- C.hàng nông, lâm, thủy sản
- D.các hàng hóa xuất khẩu khác

Câu 2. Tuyến đường chạy dọc nước ta từ Lạng Sơn đến Cà Mau là

- A.quốc lộ 14 B.quốc lộ 1A C.đường Hồ Chí Minh D.quốc lộ 5

Câu 3 Tỉnh nào sau đây thuộc tiểu vùng Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A.Lào Cai B.Yên Bái C.Phú Thọ D.Hòa Bình

Câu 4. Tỉnh nào sau đây của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ giáp cả Lào và Trung Quốc?

- A. Lào Cai B.Điện Biên C. Lai Châu D.Hà Giang

Câu 5. Dựa vào Át lát địa lí tự nhiên Việt Nam trang 26 tỉnh nào nằm ở tiểu vùng Tây Bắc của Trung Du và Miền núi Bắc Bộ?

- A Lạng Sơn B Quảng Ninh C.Lai Châu D Tuyên Quang

Câu 6. Các dân tộc ít người thuộc tiểu vùng Đông Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là:

- A.Thái,Mường, Dao,Mông B.Tày, Nùng, Dao,Mông
- C. Khơ -me,Chăm, Hoa D Thái ,Mường, Dao,Hoa

Câu 7.Điều kiện quan trọng nhất để Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển cây công nghiệp , dược liệu, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới là

- A.diện tích đất feralit màu mỡ
- B.nhân dân có kinh nghiệm phát triển cây công nghiệp
- C.thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn

D. khí hậu nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh nhất nước

Câu 8. Thế mạnh để phát triển ngành công nghiệp năng lượng vùng Trung Du và Miền núi Bắc Bộ dựa vào

- A vùng than đá Đông Bắc, trữ năng thủy điện lớn C thủy điện trên sông Hồng, sông Đà
B vùng than Đông Bắc dễ khai thác D nguồn nhân công lành nghề

Câu 9. Địa hình đồi bát úp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ thuận lợi để phát triển ngành sản xuất nông nghiệp nào sau đây?

- A. trồng rừng sản xuất B. trồng cây công nghiệp
C. thâm canh lúa nước D. trồng cây ăn quả

Câu 10. Thiên tai gây thiệt hại lớn nhất về người và của cho vùng Trung Du và Miền núi Bắc Bộ là gì ?

- A. Núi cao hiểm trở, độ dốc lớn C Thiên tai lũ ống, lũ quét, sạt lở đất
B Thời tiết thất thường, rét đậm, rét hại D Bão

Câu 11. Tiểu vùng Tây Bắc của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh kinh tế nào sau đây?

- A. Phát triển thủy điện B. Phát triển nhiệt điện
C. Khai thác khoáng sản D. Nuôi trồng, đánh bắt hải sản

Câu 12. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết cây chè được trồng nhiều nhất ở những tỉnh nào sau đây của Trung du và miền núi Bắc Bộ ?

- A. Yên Bái, Sơn La, Thái Nguyên, Phú Thọ
B. Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hà Giang, Cao Bằng
C. Yên Bái, Cao Bằng, Hòa Bình, Cao Bằng
D. Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lai Châu

Câu 12. loại cây hương liệu nào là đặc sản của vùng Trung Du và Miền núi Bắc Bộ?

- A Sa Nhân B Hồi C Quế D Tam thất

Câu 13. Biện pháp tốt nhất để hạn chế thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất cho vùng Trung Du và Miền núi Bắc Bộ là

- A bảo vệ rừng đầu nguồn B không xây dựng nhà ở ven sông, suối, nơi địa hình dốc
C xây dựng công trình thoát lũ D thay đổi tập quán canh tác

Câu 14. Công nghiệp năng lượng phát triển mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do

- A. nhu cầu thị trường ngày càng tăng
B. nguồn thủy năng và nguồn than phong phú
C. trình độ lao động tăng cao
D. có nhiều tài nguyên đa dạng, địa hình chủ yếu là đồi núi

Câu 15. Quốc lộ có vai trò quan trọng với phát triển kinh tế của tiểu vùng Đông Bắc ở Trung Du và Miền núi Bắc Bộ là

- A quốc lộ 6 B. quốc lộ 1A C. quốc lộ 32 D đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai

Câu 16. Thành phố nào sau đây được coi là cửa ngõ quan trọng hướng ra vịnh Bắc Bộ của Đồng bằng sông Hồng?

A.Hải Phòng B.Hà Nội C.Hạ Long D.Ninh Bình

Câu 17. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống

A. sông Hồng và sông Thái Bình.

B. sông Hồng và sông Đà.

C. sông Hồng và sông Cầu

D. sông Hồng và sông Lục Nam

Câu 18. Tài nguyên quý giá nhất của vùng Đồng bằng sông Hồng là

A.khí hậu có 1 mùa đông lạnh

B.khoáng sản than nâu

C.đất phù sa sông

D.sông ngòi dày đặc

Câu 19. Đồng bằng sông Hồng có mật độ dân số

A.thấp hơn cả nước

B.cao nhất cả nước

C.thấp hơn Đông Nam Bộ

D.thấp hơn Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 20. Thế mạnh cơ bản về dân cư và nguồn lao động của Đồng bằng sông Hồng so với các vùng khác là:

A.Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ

B.Chất lượng nguồn lao động dẫn đầu cả nước

C.Nguồn lao động đông đảo với kinh nghiệm sản xuất phong phú

D.Dân cư đông, năng động với cơ chế thị trường

Câu 21. Đây là biện pháp có ý nghĩa hàng đầu đối với việc sử dụng hợp lí đất đai ở Đồng bằng sông Hồng?

A.Đẩy mạnh thâm canh.

B.Khai hoang và cải tạo đất.

C.Quy hoạch thủy lợi

D.Trồng rừng và xây dựng thủy lợi

Câu 22. Dựa vào điều kiện nào sau đây để Đồng bằng sông Hồng phát triển vụ đông trở thành vụ chính?

A.Địa hình bằng phẳng

B.Đất phù sa có độ phì cao

C.Mạng lưới sông ngòi dày đặc

D.khí hậu nhiệt đới ẩm, có mùa đông lạnh

Câu 23. Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A.Trình độ thâm canh cao nhất nước

B.Mở rộng diện tích canh tác cây lúa

C.Đất phù sa màu mỡ, khí hậu thuận lợi

D.Thị trường tiêu thụ rộng lớn

Câu 24. Tam giác tăng trưởng kinh tế của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là

A.Hà Nội –Hải Phòng-Hạ Long

B. Hà Nội –Hải Dương-Hải Phòng

C. Hà Nội –Hải Phòng- Cẩm Phả

D. Hà Nội-Bắc Ninh-Vĩnh Yên

Câu 25. Di sản văn hóa thế giới ở Đồng bằng sông Hồng được UNESCO công nhận là

A. Phong Nha – Kẻ Bàng

B. Di tích Mỹ Sơn

C. Vịnh Hạ Long

D. khu di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long

Câu 26. Vị trí địa lí vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa:

A.phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng.

B. cầu nối giữa các vùng kinh tế phía Bắc và phía Nam của đất nước.

C. thuận lợi khai thác kinh tế biển đảo.

D.phát huy thế mạnh của các cửa khẩu sang đất nước Lào.

Câu 27. Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là dãy núi

A. Hoành Sơn B. Bạch Mã C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 28. Thiên tai thường xuyên xảy ra nhất đối với vùng Bắc Trung Bộ là

A. bão B. sóng thần C. lũ lụt D. khí hậu lạnh

Câu 29. Để hạn chế tác hại của gió Tây khô nóng, vùng Bắc Trung Bộ cần có biện pháp nào sau đây?

- A. Xây dựng các hồ chứa nước và bảo vệ rừng.
- B. Bảo vệ rừng và trồng rừng phòng hộ.
- C. Dự báo để phòng thời gian hoạt động của gió tây khô nóng.
- D. Trồng rừng điều hòa khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái.

Câu 30. Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía tây vùng Bắc Trung Bộ là

- A. nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, nuôi trâu bò đàn
- B. nuôi trồng thủy sản, sản xuất lương thực, cây công nghiệp hằng năm
- C. trồng cây công nghiệp hàng năm, đánh bắt thủy sản
- D. sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ

Câu 31. Di sản văn hóa thế giới ở Bắc Trung Bộ được UNESCO công nhận là

- A. Phong Nha – Kẻ Bàng B. Di tích Mĩ Sơn
- C. Phố cổ Hội An D. Cố đô Huế

Câu 32. Các trung tâm kinh tế quan trọng của Bắc Trung Bộ là

- A. Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh B. Vinh, Đồng Hới, Đông Hà
- C. Thanh Hóa, Vinh, Huế D. Bỉm Sơn, Cửa Lò, Đồng Hới



BCH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hoàng Thị Liên

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Toán – Tin – Công nghệ

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: TOÁN

KHỐI: 9

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 14

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Biểu thức A phải thỏa mãn điều kiện gì để $\sqrt{A}$ xác định? Chứng minh

$$\sqrt{a^2} = |a| \text{ với mọi số thực } a$$

Câu 2: Phát biểu và chứng minh định lý về mối liên hệ giữa phép nhân, phép chia và phép khai phương.

Câu 3: Nêu các phép biến đổi đơn giản biểu thức chứa căn bậc hai.

Câu 4: Định nghĩa căn bậc ba. Các phép biến đổi căn bậc ba.

Câu 5: Định nghĩa hàm số bậc nhất, tính chất của hàm số bậc nhất, đồ thị của hàm số bậc nhất.

Câu 6: Cho đường thẳng $y = ax + b$ (d) ($a \neq 0$) và $y = a'x + b'$ (d') ($a' \neq 0$). Tìm mối liên hệ giữa các hệ số để d và d' : cắt nhau, song song, trùng nhau.

Câu 7: Phát biểu và nêu các công thức về hệ thức lượng trong tam giác vuông

Câu 8: Nêu các công thức về tỉ số lượng giác, các định lý về mối quan hệ giữa cạnh và góc trong tam giác vuông.

Câu 9: Phát biểu các định lý về đường kính và dây, liên hệ giữa dây và khoảng cách từ tâm đến dây.

Câu 10: Phát biểu định nghĩa tiếp tuyến, tính chất tiếp tuyến và dấu hiệu nhận biết tiếp tuyến của đường tròn. Phát biểu tính chất hai tiếp tuyến cắt nhau.

Câu 11: a) Nêu các vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn (ứng với mỗi vị trí đó, viết hệ thức giữa d và R)

b) Nêu các vị trí tương đối của hai đường tròn (ứng với mỗi vị trí đó, viết hệ thức giữa đoạn nối tâm d và R, r)

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

PHẦN ĐẠI SỐ

Bài 1: Thực hiện phép tính:

a) $\sqrt{5\sqrt{3} + 5\sqrt{48} - 10\sqrt{7} + 4\sqrt{3}}$

b) $5\sqrt{32} - 3\sqrt{50} + \sqrt{200} + 7\sqrt{11 - 6\sqrt{2}}$

c) $\frac{8}{\sqrt{11} + \sqrt{3}} + \frac{1}{2 - \sqrt{3}} - \frac{11 + \sqrt{11}}{\sqrt{11} + 1}$

d) $\frac{3 + 2\sqrt{3}}{\sqrt{3}} + \frac{2 + \sqrt{2}}{\sqrt{2} + 1} - (2 + \sqrt{3})$;

e) $\left(\frac{\sqrt{14} - \sqrt{7}}{1 - \sqrt{2}} + \frac{\sqrt{15} - \sqrt{5}}{1 - \sqrt{3}} \right) : \frac{1}{\sqrt{7} - \sqrt{5}}$

f) $\left(\frac{15}{\sqrt{6} + 1} + \frac{4}{\sqrt{6} - 2} - \frac{12}{3 - \sqrt{6}} \right) (\sqrt{6} + 11)$;

Bài 2: Cho hai biểu thức: $A = \left(\frac{1}{\sqrt{x}} + \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}+1} \right)$; $B = \frac{\sqrt{x}}{x+\sqrt{x}}$ với $x > 0$.

- Tính giá trị của biểu thức B khi $x = 81$
- Rút gọn biểu thức $P = \frac{A}{B}$. Tìm x để $P = -1$;
- Tìm x để $P = -1$;
- Tìm x để: $P > \sqrt{x} + 2$;
- So sánh: P với 1;
- Tìm giá trị nhỏ nhất của P .

Bài 3: Cho hai biểu thức $A = \frac{7}{\sqrt{x}+8}$ và $B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} + \frac{2\sqrt{x}-24}{x-9}$ với $x > 0$ và $x \neq 4$

- Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 25$
- Chứng minh $B = \frac{\sqrt{x}+8}{\sqrt{x}+3}$
- Tìm x để biểu thức $P = A.B$ có giá trị là một số nguyên.

Bài 4: Cho hai biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}+2}{\sqrt{x}-5}$ và $B = \frac{3}{\sqrt{x}+5} + \frac{20-2\sqrt{x}}{x-25}$, với $x \geq 0$, $x \neq 25$

- Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 9$
- Chứng minh $B = \frac{1}{\sqrt{x}-5}$
- Tìm tất cả các giá trị của x để $A = B \cdot |x-4|$.

Bài 5: Cho biểu thức $P = \left(\sqrt{x} - \frac{1}{\sqrt{x}} \right) : \left(\frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}} + \frac{1-\sqrt{x}}{x+\sqrt{x}} \right)$.

- Rút gọn P ;
- Tính giá trị của P biết $x = \frac{1}{4}$;
- Tìm x thỏa mãn: $P\sqrt{x} = 6\sqrt{x} - 3 - \sqrt{x-4}$.

Bài 6: Cho $P = \left(\frac{2\sqrt{x}}{\sqrt{x}+3} + \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} - \frac{3x+3}{x-9} \right) : \left(\frac{2\sqrt{x}-2}{\sqrt{x}-3} - 1 \right)$

- Rút gọn P
- Tính P biết $x = 4 - 2\sqrt{3}$
- CMR $P < 0$
- Tìm GTNN của P

Bài 7: Cho 2 hàm số $y = 2x - 2$ (d_1) $y = -x + 4$ (d_2)

- Vẽ đồ thị (d_1); (d_2)
- Gọi A là giao điểm của (d_1); (d_2). Tìm tọa độ của điểm A
- Tính góc tạo bởi (d_1); (d_2) với trục Ox

d) Tính chu vi và diện tích tam giác giới hạn bởi (d_1) ; (d_2) và trục Ox

Bài 8: Xác định hàm số $y = ax + b$ biết đồ thị hàm số :

a) Cắt trục tung tại điểm có tung độ bằng - 2 và cắt trục hoành tại điểm có hoành độ bằng $\frac{2}{5}$

b) Đi qua điểm $A(\sqrt{2}; \sqrt{2} + 3)$ và có hệ số góc bằng $\sqrt{2}$

c) Đi qua điểm $B(1; 2 - \sqrt{3})$ và song song với đồ thị hàm số $y = \sqrt{3}x$

d) Đi qua điểm $C(0; 3)$; $D(-1; 1)$

Bài 9: Cho hai hàm số bậc nhất : $y = (m - 1)x + (n - 1)$ (d_1)

và $y = (3 - 2m)x + (5 - n)$ (d_2)

Tìm m và n để :

a) (d_1) đồng biến và (d_2) nghịch biến.

b) (d_1) song song với (d_2)

c) (d_1) cắt (d_2)

d) (d_1) trùng (d_2)

e) (d_1) vuông góc với (d_2)

Bài 10: Cho 3 hàm số : $y = (2m + 1)x - 2$ (d_1) ; $y = 3x - 1$ (d_2) ; $y = -x + 3$ (d_3)

a) Chứng minh rằng (d_1) luôn đi qua một điểm cố định

b) Tìm m để (d_1); (d_2); (d_3) đồng quy

c) Khi $m \neq -\frac{1}{2}$, Tìm m để khoảng cách từ gốc tọa độ O đến đường thẳng (d_1) bằng $\sqrt{2}$

PHẦN HÌNH HỌC

Bài 1: Cho nửa (O) đường kính $AB = 2R$. Vẽ các tiếp tuyến Ax và By với nửa đường tròn. Từ 1 điểm M trên nửa đường tròn .Kẻ tiếp tuyến thứ 3 cắt Ax và By theo thứ tự tại C và D.

a) Chứng minh (C/m) $AC + BD = CD$ và $\widehat{COD} = 90^\circ$

b) Gọi giao điểm của MA với OC là I; MB với OD là K.

C/m : $MO = IK$ và $IK \parallel AB$

c) C/m : $AC \cdot BD = R^2$ và $OI \cdot OC = OK \cdot OD$

d) C/m : AB là tiếp tuyến của đường tròn đường kính CD

e) C/m : $OI \cdot IC + OK \cdot KD = R^2$

f) Gọi S là giao điểm của AD và BC, MS cắt AB tại Q.

C/m : $MS = SQ$ và $MS \perp AB$

Bài 2: Cho tam giác ABC có góc $A = 90^\circ$. Đường cao AH. Vẽ đường tròn (A; AH). Gọi HD là đường kính của đường tròn đó. Tiếp tuyến của đường tròn tại D cắt CA tại E.

a) C/m : tam giác BEC cân

b) Gọi I là hình chiếu của A trên BE. C/m rằng $AI = AH$.

c) C/m : BE là tiếp tuyến của đường tròn tâm A

d) C/m : $BE = BH + DE$.

Bài 3: Cho đường tròn tâm O, điểm M nằm ngoài đường tròn , kẻ tiếp tuyến MA, MB (A, B là tiếp điểm)

a) Chứng minh $MO \perp AB$ (tại I)

- b) Kẻ đường cao AD, BE của tam giác MAB chúng cắt nhau tại H. Chứng minh: M, H, O thẳng hàng.
 c) Tứ giác AHBO là hình gì? Chứng minh.
 d) *C/m*: Tam giác BAH đồng dạng với tam giác BEI

Bài 4 : Hai đường tròn $(O; R)$ và $(O'; r)$ tiếp xúc ngoài tại điểm A ($R > r$). Gọi BC là tiếp tuyến chung ngoài ($B \in (O)$; $C \in (O')$). M là trung điểm của OO' , H là hình chiếu của M trên BC.

- a) Tính góc OHO'
 b) Chứng minh OH là tia phân giác của góc AOB
 c) Chứng minh AH là tiếp tuyến chung của hai đường tròn (O) và (O')
 d) Cho $R = 4 \text{ cm}$; $r = 1 \text{ cm}$. Tính các độ dài BC ; AM

Bài 5: Bài 42/sgk-trang128



BGH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

Người lập

Nguyễn Tuyết Hạnh

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13

2. Một số câu hỏi trọng tâm hoặc nội dung kiến thức cần nắm được:

Câu 1: Hãy vẽ sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt của mạch điện bảng điện gồm 2 cầu chì, 1 ổ cắm, 1 công tắc hai cực điều khiển 1 bóng đèn 220V - 100W, nguồn điện 220V

Câu 2: Hãy vẽ sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt của mạch điện đèn ống huỳnh quang.

Câu 3: Nêu quy trình lắp đặt mạch điện bảng điện. Có thể bỏ qua công đoạn vạch dấu trong quy trình đó được không? Tại sao?

Câu 4: Nêu quy trình vẽ sơ đồ mạch điện bảng điện, mạch điện đèn ống huỳnh quang

Câu 5: Em hãy nêu tên gọi và công dụng của các loại dụng cụ cơ khí.

Câu 6: Nêu công dụng của công tơ điện, phân loại, cách đấu dây công tơ và ý nghĩa các số liệu trên mặt công tơ điện một pha?

Câu 7: Em hãy nêu quy trình chung để nối dây dẫn điện?

Câu 8: Em hãy nêu cấu tạo và phân loại của bảng điện

Phần 2: Một số câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Câu 1. Trước khi vẽ sơ đồ lắp đặt, chúng ta cần làm gì ?

- | | |
|---------------------------------------|----------------------|
| A. Tìm hiểu sơ đồ nguyên lí mạch điện | B. Lập bảng dự trù |
| C. Lựa chọn dụng cụ | D. Tính toán dây dẫn |

Câu 2. Hãy cho biết A là kí hiệu của đồng hồ đo điện nào?

- | | | | |
|-------------|-----------|------------|------------|
| A. Ampe kế. | B. Ôm kế. | C. Vôn kế. | D. Oát kế. |
|-------------|-----------|------------|------------|

Câu 3. Bước “Vạch dấu” thuộc bước thứ mấy trong quy trình lắp đặt mạch bảng điện?

- | | | | |
|------|------|------|------|
| A. 1 | B. 4 | C. 3 | D. 2 |
|------|------|------|------|

Câu 4. Trên bảng điện có những phần tử nào?

- | | |
|-----------------------------|------------|
| A. Công tắc | B. Ổ cắm |
| C. Cầu chì, công tắc, ổ cắm | D. Cầu chì |

Câu 5. Cầu chì, được lắp trên :

- | | |
|---------------------------|---------------------------------|
| A. Dây pha trước công tắc | B. Dây trung hòa trước công tắc |
| C. Dây pha sau công tắc | D. Dây trung hòa sau công tắc |

Câu 6. Hãy cho biết “Xác định vị trí bảng điện, bóng đèn” thuộc bước thứ mấy trong quy trình vẽ sơ đồ lắp đặt?

- | | | | |
|------|------|------|------|
| A. 3 | B. 1 | C. 4 | D. 2 |
|------|------|------|------|

Câu 7. Cho vôn kế có thang đo 300V, cấp chính xác 1,5 thì sai số tuyệt đối lớn nhất là:

- | | | | |
|-------|---------|---------|-------|
| A. 3V | B. 4,5V | C. 3,5V | D. 4V |
|-------|---------|---------|-------|

Câu 8. Để tháo và lắp các vít có đầu kẻ rãnh người ta dùng ?

- | | | | |
|--------|----------|--------|------------|
| A. Kìm | B. Khoan | C. Kéo | D. Tua vít |
|--------|----------|--------|------------|

Câu 9. Mạng điện trong nhà thường không được sử dụng loại dây dẫn:

- A. Lõi nhiều sợi
B. Lõi một sợi
C. Trần
D. Bọc cách điện

Câu 10. Đơn vị đo cường độ dòng điện là:

- A. Oat
B. Ampe
C. Vôn
D. Ampe kế

Câu 11. Trên mặt công tơ điện có ghi 400 vòng/Kwh có nghĩa là gì ?

- A. Đĩa công tơ quay 400 vòng thì được 1Kwh
B. Đĩa công tơ quay 400 vòng thì được 10 Kwh
C. Đĩa công tơ quay 400 vòng thì được 10Wh
D. Đĩa công tơ quay 400 vòng thì được 1wh

Câu 12. Đây là tên của đồng hồ đo điện ?

- A. Panme.
B. Thước.
C. Đồng hồ vạn năng.
D. Búa.

Câu 13. Bàn là điện có công suất là 1000W hoạt động trong vòng 10 giờ thì điện năng tiêu thụ là:

- A. 100Kwh
B. 10wh
C. 10 Kwh
D. 100Wh

Câu 14. Đồng hồ vạn năng thực hiện chức năng đo của thiết bị nào

- A. Vôn kế.
B. Ôm kế.
C. Ampe kế
D. Ôm kế, vôn kế, ampe kế

Câu 15. Đơn vị đo của công tơ điện là điện là:

- A. W
B. Wh
C. V
D. Kwh

Câu 16. Điện năng tiêu thụ trong tháng 5 của nhà em là bao nhiêu khi số chỉ công tơ tháng 4 là 2000 Kwh; số chỉ công tơ tháng 5 là 2500Kwh.

- A. 50 Kwh
B. 400 Kwh
C. 500Wh
D. 500Kwh

Câu 17. Oát kế dùng để đo đại lượng điện nào?

- A. Hiệu điện thế
B. Công suất
C. Cường độ dòng điện
D. Điện trở

Câu 18. Bước “Kiểm tra mối nối” thuộc bước thứ mấy trong quy trình nối dây dẫn điện?

- A. 4
B. 5
C. 3
D. 2

Câu 19. Phần tử nào dưới đây không được lắp trên bảng điện:

- A. Hộp số quạt
B. Ổ điện
C. Bóng đèn
D. Aptômát

Câu 20. Sơ đồ nguyên lý mạch điện bảng điện gồm các thiết bị :

- A. Cầu chì, công tắc, ổ cắm, đèn
B. Cầu chì.
C. Công tắc
D. Ổ cắm, đèn



TỔ TRƯỞNG
Signature: Phạm Thị Hải Yến

NHÓM TRƯỞNG
Signature: Dương Thị Tươi

Họ và tên:.....Lớp :

A. NỘI DUNG ÔN TẬP : BÀI 1 – BÀI 5

LÝ THUYẾT:

Bài 1:

Từ vựng : sgk trang 146,147

Chữ Hán: sgk trang 126

Ngữ pháp:

1. ～は～が～です (I)

2. A: どうしてですか。

B: ～から

Bài 2:

Từ vựng : sgk trang 147,148,149

Chữ Hán: sgk trang 127

Ngữ pháp:

1. ～は～が～です。 (II)

2. A (-い) くて～です / A (-な) で～です / Nで～です。

Bài 3:

Từ vựng : sgk trang 149,150

Chữ Hán: sgk trang 128

Ngữ pháp:

1. Vないでください。

2. ～は～が～です。 (III)

Bài 4:

Từ vựng : sgk trang 150,151

Chữ Hán: sgk trang 129,130

Ngữ pháp:

1. Vることができします / Nができます。

2. やねがあかい体いくかん

Bài 5

Từ vựng : sgk trang 151,152

Chữ Hán: sgk trang 130,131

Ngữ pháp:

1. Vてから、～

2. ～と言います / ～と言いました。

B. BÀI TẬP Củng cố KIẾN THỨC:

PHẦN I: Đọc kĩ yêu cầu đề bài các phần và làm theo yêu cầu

Bài 1: Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho cách đọc hoặc cách viết bằng chữ Hán của phần được gạch chân trong các câu sau.

1. ぞうは耳が大きいです。
A. みんな B. め C. み D. みみ
2. おんがくを聞きます
A. ききます B. ぶんきます C. かきます D. いきます
3. このくつはやすいです。
A. 安い B. 女い C. 先い D. 生い
4. ナムさんはあしがはやいです。
A. 日 B. 足 C. 字 D. 子
5. 夏休みがおわりました。
A. ふるやすみ B. なつやすみ C. あきやすみ D. はるやすみ
6. ほんを読みます。
A. のみます B. みます C. すみます D. よみます
7. しょうどう
A. 書どう B. 食どう C. 夏どう D. 春どう
8. ふゆ
A. 春 B. 夏 C. 秋 D. 冬
9. はなします
A. 書します B. 言します C. 話します D. 読します
10. うみでおよぎます
A. 梅 B. 海 C. 新 D. 毎
11. もう新しいことばをおぼえました。
A. あたらしい B. しんしい C. あたらしい D. あたしい
12. ともだちとあそびにいきます。
A. 左だち B. 友ち C. 右だち D. 友だち

Bài 2: Chọn câu đồng nghĩa với câu được gạch chân (ứng với A hoặc B, C, D).

1. あの ひとは コックです。
A. あのひとは うたが へたです。

B. あのひとは りょうりが じょうずです。

C. あのひとは うたが じょうずです。

D. あのひとは りょうりが へたです。

2. おふろに入ります。それから、しゅくだいをします。

A. おふろに入った、しゅくだいをします。

B. おふろに入ってから、しゅくだいをします。

C. しゅくだいをしてから、おふろにはいります。

D. おふろに入ってから、しゅくだいをしないでください。

3. ビンさんは すいえいが できます。

A. ビンさんは はしることが できます。

B. ビンさんは くるまのうんてんが できます。

C. ビンさんは およぐことが できます。

D. ビンさんは えいがが できます。

4. はげしいうんどうを しないでください。

A. からいものを たべてください。

B. くすりを のまないでください。

C. はやく やすんでください。

D. おふろに はいってください。

5. はが たいたいです。

A. チョコレートを たべてください。

B. あまいものを たべないでください。

C. パンを たべてください。

D. ごはんを たべてください。

6. わたしは かぜを ひいています。

A. コンピュータを みてください。

B. くすりを のんで、 はやく ねてください。

C. めがねを かけてください。

D. はやく ねないでください。

Bài 3: Chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành các câu sau.

1. ナムさんは ^{からだ} 体 () じょうぶです。
A. に B. は
C. と D. へ
2. わたしは ピアノが () です。
A. さむい B. じょうず
C. あつい D. とくい
3. ハイさんは ちゅうごく語で () できます。
A. はなして B. はなします
C. はなすこと D. はなさない
4. けさから のど () いたいです。
A. に B. と
C. が D. の
5. ホアさんは「日本語はおもしろいです。」 () 言いました。
A. が B. は
C. に D. と
6. ねつが ありますから、 () ねないでください。
A. おそい B. おそく
C. はやい D. はやく
7. テレビを () 、しゅくだいをします。
A. 見たから B. 見てから
C. 見ます D. 見るから
8. M: () アイスクリームが すきですか。
N:おいしいですから。
A. どう B. どうして
C. どんな D. いつ
9. () うでたてふせを することが できますか。
A. 50かい B. 50メートル
C. 50キロ D. 50センチメートル
10. おもいものを () ことが できますか。
A. もちます B. もつ
C. もって D. もった

11. P: けんどうが () か。

Q: いいえ、 できません。

A. いたい

B. おもい

C. できます

D. むずかしい

12. E: つめたいものを たべてもいいですか。

F: いいえ、 () ください。

A. たべた

B. たべて

C. たべないで

D. たべる

PHẦN II: Chọn phương án đúng nhất (ứng với A hoặc B, C, D)

Bài 1: Đọc đoạn hội thoại và chọn đáp án đúng:

Nam và Yuri nói chuyện với nhau:

ナム：ゆりさん、アイスクリームを たべませんか。

ゆり：すみません、いま、ちょっと はがいたい (1) 。

ナム：そうですか。だいじょうぶですか。

ゆり：はい、ナムさんは いつも はをみがいてから、あさごはんをたべますか。

(2)、あさごはんをたべてから、はをみがきますか。

ナム：わたしは はを (3) から、あさごはんをたべます。

ゆり：前、わたしもそうしていました。(4) はいしゃさんは「かえてください」と言いました。いま、わたしは あさごはんを 食べてから、 はをみがきます。

ナム：そうですか。わたしは そうしませんでした。これから、 (5)

1.

A. ですか

B. ですから

C. でした

D. でしょうか

2.

A. これから

B. それから

C. それとも

D. いま

3.

- A. みがいて B. みがいた C. みがきます D. みがく

4.

- A. そして B. これから C. でも D. どうして

5.

- A. そうしません B. そうします C. そうしました D. わかります。

Bài 2: Hãy sắp xếp lại các câu sau và chọn vị trí tương ứng với dấu

1. わたし _____ ★ _____ です。

- A. は B. が C. れきし D. とくい

2. ランさんは _____ ★ _____ できます。

- A. を B. が C. 日本りょうり D. つくること

3. _____ ★ _____ ください。

- A. に B. おふろ C. で D. 入らない^{はい}

4. _____ ★ _____ 何をしましたか。

- A. から B. して C. を D. テニス

5. ミンさん _____ ★ _____

- A. できません B. は C. えいご D. が

6. すずきさんは _____ ★ _____ です。

- A. じょうずな B. が C. ひと D. にほんご

おわり

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 01 đến hết tuần 13

- Hợp tác cùng phát triển
- Kế thừa và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc
- Năng động, sáng tạo
- Làm việc năng suất, chất lượng và hiệu quả

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là truyền thống tốt đẹp của dân tộc? Nêu 1 số truyền thống mà em biết? Nêu vai trò của thế hệ trẻ trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc?

Câu 2: Thế nào là hợp tác, nêu vai trò của hợp tác đối với cá nhân và xã hội? Em đã làm gì để thể hiện tinh thần hợp tác trong học tập và đời sống?

Câu 3: Thế nào là năng động, sáng tạo? Vì sao trong cuộc sống ,học tập ,lao động cần phải năng động ,sáng tạo?

Câu 4: Thế nào là làm việc năng suất, chất lượng hiệu quả? Nêu ý nghĩa của làm việc năng suất, chất lượng, hiệu quả?

Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

1. Trắc nghiệm:

Câu 1: Câu tục ngữ: Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy nói về truyền thống nào?

- A. Truyền thống tôn sư trọng đạo.
- B. Truyền thống đoàn kết.
- C. Truyền thống yêu nước.
- D. Truyền thống văn hóa.

Câu 2: Câu nào dưới đây nói về tính năng động, sáng tạo?

- A. Mồm miệng đỡ chân tay.
- B. Năng nhặt chặt bị.
- C. Dễ làm, khó bỏ.
- D. Cái khó ló cái khôn.

Câu 3. Tích cực, chủ động, dám nghĩ, dám làm được gọi là?

- A. Năng động.
- B. Chủ động.
- C. Sáng tạo.
- D. Tích cực.

Câu 4. "Hiệp hội các nước Đông Nam Á" có tên viết tắt là gì ?

- A. FAO
- B. WHO.
- C. ASEAN
- D. UNESCO.

Câu 5: Tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị cao, cả về nội dung và hình thức, trong một thời gian nhất định được gọi là?

- A. Làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả.
- B. Làm việc năng suất.
- C. Làm việc khoa học.
- D. Làm việc chất lượng.

2. Bài tập:

Bài tập 1: Viết tên đầy đủ của các tổ chức dưới đây?

A. ASEAN :

B. FAO :

C. WHO :

D. UNICEF :

Bài tập 2: Cho tình huống:

An thường tâm sự với các bạn : “Nói đến truyền thống của dân tộc Việt Nam, mình có mặc cảm thế nào ấy. So với thế giới, nước mình còn lạc hậu lắm. Ngoài truyền thống đánh giặc ra, dân tộc ta có truyền thống nào đáng tự hào đâu”.

a/ Em có đồng ý với An không ? Vì sao ?

b/ Nếu là bạn của An em sẽ nói gì với An ?

Bài tập 3: Cho tình huống

-T nói : Chỉ có học sinh giỏi mới có khả năng sáng tạo , bọn mình thì làm sao mà sáng tạo được .

- K nói : Đúng đây ,học sinh học lực trung bình chỉ cần tự giác học tập là tốt !

a. Em đồng ý với 2 bạn không ? vì sao ?

b. Hãy cho biết ý kiến riêng của em về vấn đề trên ?

Bài tập 4: Cho tình huống:

Cuối học kỳ, Dũng bàn: Muốn ôn thi đỡ vất vả, mỗi người làm đáp án một môn, rồi mang đến trao đổi với nhau. Làm như vậy, khi cô giáo kiểm tra, ai cũng đủ đáp án. Nghe vậy, nhiều bạn khen đó là cách làm hay, vừa năng suất, vừa có chất lượng mà lại nhàn thân.

a/ Em có tán thành cách làm đó không? Vì sao?

b/ Nếu em là bạn của Dũng, em sẽ làm như thế nào?



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng

Phùng Thị Vui